

Châu Thành, ngày 20 tháng 7 năm 2023

Số: **39/2023/QĐST-DS**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 51/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1960.

- Bà Phan Thị Cẩm N, sinh năm 1964.

Cùng ngụ: số 249, tổ 3, ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

** Bị đơn:*

- Anh Nguyễn Bảo T, sinh năm 1988.

- Chị Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1986.

Cùng ngụ: tổ 3, ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Đối với đường nước tranh chấp:

- Ông Phạm Ngọc T, bà Phan Thị Cẩm N có quyền lắp đặt đường ống mục đích lấy nước và tiêu nước trên thửa đất số 303, tờ bản đồ số 22, do chị Nguyễn Thị Bảo N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 582508, cấp ngày 05/11/2021 và trên thửa đất số 330, tờ bản đồ số 22, do anh Nguyễn Bảo T đứng tên

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 772839, cấp ngày 27/9/2022, cùng tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Đường ống có vị trí và kết cấu như sau:*

- Trên thửa đất số 303, tờ bản đồ số 22, do chị Nguyễn Thị Bảo N đứng tên đã tồn tại một đường ống nhựa đặt ngầm cách mặt đất 1m (một mét) (tính từ cạnh trên đường ống so với mặt đất), loại ống nhựa hoa sen, đường kính ống 20cm, chiều dài là 26,39m.

- Ông T bà N được lắp đặt ống nhựa có đường kính 20cm nối tiếp với vị trí ống kể trên cũng cách mặt đất 1m (một mét) (tính từ cạnh trên đường ống so với mặt đất) trên thửa đất số 330, tờ bản đồ số 22, do anh Nguyễn Bảo T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ống có chiều dài 13,19m dẫn đến giáp với thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 4 của ông T, bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (theo sơ đồ mới là thửa số 133, tờ bản đồ số 22).

- Chị N, anh T được quyền canh tác, sử dụng phần đất bề mặt nhưng không làm ảnh hưởng đến đường ống ngầm bên dưới và có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T, bà N tu sửa đường ống ngầm nếu xảy ra sự cố hư hỏng ống.

- Chị N, anh T có nghĩa vụ thông báo cho người nhận chuyển nhượng biết và tôn trọng thỏa thuận này, trong trường hợp anh chị có chuyển nhượng sau này.

2.2 Về chi phí tố tụng:

Ông Phạm Ngọc T, bà Phan Thị Cẩm N tự nguyện chịu và đã nộp xong.

2.3 Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Ông Phạm Ngọc T, bà Phan Thị Cẩm N tự nguyện chịu án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010950 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông T, bà N được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu